

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ 5S**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ 5S

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 5S TECHNOLOGY SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108091637

**3. Ngày thành lập:** 12/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô 230 C5 Đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); | 7730     |
| 2.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                | 9511     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                      | 9522     |
| 4.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                    | 4100     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                    | 4321     |
| 6.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                           | 4330     |
| 7.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                            | 4610     |
| 8.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                         | 4633     |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                      | 4651     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tuavít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663        |
| 11. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Vải;<br>- Len, sợi;<br>- Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu;<br>- Hàng dệt khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4751        |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3314        |
| 13. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                              | 4752        |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị hệ thống an toàn như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4759(Chính) |
| 15. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7911        |
| 16. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7920        |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5510        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện )</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;</li> <li>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;</li> <li>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;</li> <li>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;</li> <li>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;</li> <li>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;</li> <li>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;</li> <li>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;</li> <li>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may;</li> <li>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.</li> </ul> | 4659 |
| 19. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |
| 20. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4771 |
| 21. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5210 |
| 22. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5224 |
| 23. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi hàng;</li> <li>- Giao nhận hàng hóa;</li> <li>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;</li> <li>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5229 |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5610 |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5621 |
| 26. | <p>Cho thuê xe có động cơ</p> <p>Chi tiết: Cho thuê ô tô</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7710 |

|     |                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng                                                                                    | 5629 |
| 28. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                           | 9512 |
| 29. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                           | 2610 |
| 30. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                       | 2630 |
| 31. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                   | 2640 |
| 32. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                   | 4632 |
| 33. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                 | 4641 |
| 34. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                               | 4741 |
| 35. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                            | 4742 |
| 36. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng<br>Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                         | 9521 |
| 37. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; | 4649 |
| 38. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                   | 4652 |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                       | 4933 |
| 40. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar);                                                                                                                                      | 5630 |
| 41. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                 | 4620 |
| 42. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                            | 2620 |
| 43. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                               | 3313 |
| 44. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                            | 2750 |
| 45. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                        | 2817 |
| 46. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                           | 3312 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 47. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt máy công nghiệp trong các nhà máy công nghiệp;<br>- Lắp đặt thiết bị kiểm soát quá trình công nghiệp;<br>- Tháo dỡ các máy móc và thiết bị cỡ lớn;<br>- Hoạt động của thợ cổi xay;<br>- Máy làm đôn bẫy;<br>- Lắp đặt các thiết bị chơi bowling. | 3320 |
| 48. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;<br>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                        | 4669 |
| 49. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(trừ thuốc lá ngoại)                                                                                                                                                                    | 4711 |
| 50. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không<br>khí                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322 |
| 51. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;                                                                                                                                                                                                           | 4932 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông             | Nơi đăng ký hộ<br>khẩu thường trú<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần         | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>VĂN SƠN       | 48A Lý Thường<br>Kiệt, Phường<br>Trần Hưng Đạo,<br>Quận Hoàn Kiếm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       | 0260810000<br>17                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                                     | Tổng số                 | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                     |                         |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | HOÀNG<br>XUÂN<br>PHƯƠNG | Đội 3 Thôn 2 , Xã<br>Đại Hưng, Huyện<br>Khoái Châu ,<br>Tỉnh Hưng Yên,<br>Việt Nam                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       | 0330910020<br>58                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                                     | Tổng số                 | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                     |                         |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                              |                   |         |               |        |           |  |
|---|-----------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | ĐẶNG VIỆT CƯỜNG | Đội 7 thôn Thiện Phúc, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 100.000 | 1.000.000.000 | 20,000 | 145238983 |  |
|   |                 |                                                                              | Tổng số           | 100.000 | 1.000.000.000 | 20,000 |           |  |
| 4 | PHAN KIM DUÂN   | Thôn Hải Yến, Xã Hồng Lạc, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 100.000 | 1.000.000.000 | 20,000 | 142041935 |  |
|   |                 |                                                                              | Tổng số           | 100.000 | 1.000.000.000 | 20,000 |           |  |
| 5 | NGUYỄN VĂN SƠN  | xóm 4 thôn Nam Lâu, Xã Thanh Tân, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000 | 1.000.000.000 | 20,000 | 151741912 |  |
|   |                 |                                                                              | Tổng số           | 100.000 | 1.000.000.000 | 20,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG XUÂN PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033091002058

Ngày cấp: 20/03/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 3 Thôn 2, Xã Đại Hưng, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 14 Ngõ 677 đường Nguyễn Khoái, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội